

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Nghĩa

Ông Nguyễn Lương Khoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 750/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Diệu H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Diệu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau; anh T ham chơi, không lo làm ăn kinh tế, không cùng chị chăm

sóc con cái. Chị đã cố gắng cho anh T nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày: 18/5/2005; Phạm Thanh T2, sinh ngày: 16/12/2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thanh T2 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T2 hàng tháng là 3.000.000 đồng. Cháu Phạm Thị Diệu T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung của anh chị bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là vợ chồng nói nhau qua lại trong cuộc sống hàng ngày. Tới năm 2021, khi dịch Covid-19 bùng phát, anh làm ăn ở S, bị cách ly và làm ăn thất bại không có tiền nên ít về nhà thăm vợ con nên chị H cho rằng anh không chăm lo cho gia đình. Từ khi hết dịch thì anh tiếp tục chạy thuê xe làm ăn, thỉnh thoảng về nhà, mọi việc vẫn bình thường. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày: 18/5/2005; Phạm Thanh T2, sinh ngày: 16/12/2009. Nếu chị H cương ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Phạm Thanh T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng để chị H nuôi dưỡng cháu T2 là 3.0000.000đồng/tháng. Cháu Phạm Thị Diệu T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 131

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con cháu Phạm Thanh T2 cho chị H nuôi dưỡng. Cháu Phạm Thị Diệu T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H để nuôi cháu T2 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Diệu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về quan pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên xác định chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị H khai cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau; anh T ham chơi, không lo làm ăn kinh tế, không cùng chị chăm sóc con cái. Chị đã cố gắng cho anh T nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị H vì anh còn thương vợ, thương con và

cho rằng cuộc sống chung của anh chị vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là vợ chồng nói nhau qua lại trong cuộc sống hàng ngày. Tới năm 2021, khi dịch Covid-19 bùng phát, anh làm ăn ở S, bị cách ly và làm ăn thất bại không có tiền nên ít về nhà thăm vợ con nên chị H cho rằng anh không chăm lo cho gia đình. Từ khi hết dịch thì anh tiếp tục chạy thuê xe làm ăn, thỉnh thoảng về nhà, mọi việc vẫn bình thường. Tuy nhiên trong quá trình làm việc, anh T cũng không đưa ra được phương án hòa giải nào để vợ chồng về sống với nhau, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Thanh vắng m không có lý do cho thấy anh T có thái độ thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H cương quyết xin ly hôn với anh T. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày: 18/5/2005 và Phạm Thanh T2, sinh ngày: 16/12/2009. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh T2 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, cháu T2 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi hai vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay; ngoài ra, cháu T2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên giao cháu T2 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Cháu Phạm Thị Diệu T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng để chị H nuôi dưỡng cháu T2 hàng tháng là 3.000.000 đồng. Anh Phạm Văn T đồng ý với yêu cầu trên nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự trình bày anh chị không có nợ chung nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Diệu H.

1. Chấp nhận cho chị Hoàng Thị D H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2005 ngày 03 tháng 8 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T2, sinh ngày 16/12/2009 cho chị Hoàng Thị D H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Cháu Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 18/5/2005 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Hoàng Thị Diệu H nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh T2 hàng tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu Phạm Thanh T2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Phạm Văn T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Hoàng Thị Diệu H. Khi cần thiết, chị Hoàng Thị Diệu H và anh Phạm Văn T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Diệu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009036 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Hoàng Thị Diệu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương